

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 21-02-2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hội”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2. Ông Huỳnh Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLST-DS, ngày 23/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS, ngày 06/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS, ngày 06/02/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của Chị T: Anh **Nguyễn Khắc H**, sinh năm 1990; địa chỉ: Khóm 3, TT.B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Phương T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Anh **Lê Hữu Phước**, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp E, xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/02/2023, có mặt).

Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Anh **Lê Hữu Phước**, sinh năm 1983; địa chỉ: E, xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/02/2023, có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Lương Thị M**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã D, Hện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/09/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T có anh Nguyễn Khắc H làm đại diện trình bày:

Vào năm 2021 đến nay, qua quen biết nên Chị T có tham gia chơi 02 dây hội mùa và 09 dây hội tháng do vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Phương T làm đầu thảo hội cụ thể như sau:

I/Hội mùa:

1/Hội khui ngày 15/06/2021 âm lịch (nhằm ngày 24/07/2021 dương lịch), ngày hội mãn 15/09/2024 âm lịch (nhằm ngày 17/10/2024 dương lịch): Chị T có tham gia dây hội mùa 3.000.000đ, hội 3 tháng khui một lần, gồm 12 phần, Chị T tham gia 1 phần, hội đã khui được 03 lần, còn 09 lần mới kết thúc, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hội. Chị T đóng được 03 lần hội sống cụ thể như sau:

- Ngày 15/06/2021, hội kêu 1.050.000đ, Chị T đóng được 1.950.000đ;

- Ngày 15/09/2021, hội kêu 1.000.000đ, Chị T đóng được 2.000.000đ;

- Ngày 15/01/2022, hội kêu 1.400.000đ, Chị T đóng được 1.600.000đ;

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 5.550.000đ (Năm triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

2/Hội khui ngày 15/01/2022 âm lịch (nhằm ngày 15/02/2022 dương lịch), ngày hội mãn 15/09/2026 âm lịch (nhằm ngày 24/10/2026 dương lịch):Chị T có tham gia dây hội mùa 3.000.000đ, hội 3 tháng khui một lần, gồm 15 phần, Chị T tham gia 2 phần, hội đã khui được 01 lần, còn 14 lần mới kết thúc, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hội. Chị T đóng được 01 lần hội sống cụ thể như sau:

- Ngày 15/01/2022, hội kêu 1.000.000đ, Chị T đóng 02 phần được 4.000.000đ;

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

II/Hội tháng:

1/Hội khui ngày 01/06/2021 âm lịch (*nhằm ngày 10/07/2021 dương lịch*), ngày hội mãn 13/07/2022 âm lịch (*nhằm ngày 10/08/2022 dương lịch*): Chị T có tham gia đây hội tháng 3.000.000đ, hội 1 tháng khui một lần, huê hồng là 600.000đ, gồm 15 phần, Chị T tham gia 4 phần (trong đó 03 phần chết tháng 03/2022, 05/2022, 06/2022 Chị T đóng hội chết đầy đủ cho bà H), còn 1 phần hội sống, hội đã khui được 12 lần, còn 03 lần mới kết thúc, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hội. Chị T đóng được 12 lần hội sống cụ thể như sau:

- Ngày 10/07/2021, hội kêu 700.000đ, Chị T đóng được 2.300.000đ;
- Ngày 10/08/2021, hội kêu 600.000đ, Chị T đóng được 2.400.000đ;
- Ngày 10/09/2021, hội kêu 600.000đ, Chị T đóng được 2.400.000đ;
- Ngày 10/10/2021, hội kêu 600.000đ, Chị T đóng được 2.400.000đ;
- Ngày 10/11/2021, hội kêu 650.000đ, Chị T đóng được 2.350.000đ;
- Ngày 10/12/2021, hội kêu 620.000đ, Chị T đóng được 2.380.000đ;
- Ngày 10/01/2022, hội kêu 700.000đ, Chị T đóng được 2.300.000đ;
- Ngày 10/02/2022, hội kêu 620.000đ, Chị T đóng được 2.380.000đ;
- Ngày 10/03/2022, hội kêu 650.000đ, Chị T đóng được 2.350.000đ;
- Ngày 10/04/2022, hội kêu 650.000đ, Chị T đóng được 2.350.000đ;
- Ngày 10/05/2022, hội kêu 620.000đ, Chị T đóng được 2.380.000đ;
- Ngày 10/06/2022, hội kêu 610.000đ, Chị T đóng được 2.390.000đ;

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 28.380.000đ (*Hai mươi tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*).

2/Hội khui ngày 08/02/2022 âm lịch (*nhằm ngày 10/03/2022 dương lịch*), ngày hội mãn 19/02/2023 âm lịch (*nhằm ngày 10/06/2023 dương lịch*): Chị T có tham gia đây hội tháng 2.000.000đ, hội 1 tháng khui một lần, huê hồng là 400.000đ, gồm 16 phần, Chị T tham gia 01 phần, hội đã khui được 04 lần, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hội. Chị T đóng được 04 lần hội sống cụ thể như sau:

- Ngày 10/03/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được 1.580.000đ;
- Ngày 10/04/2022, hội kêu 430.000đ, Chị T đóng được 1.570.000đ;
- Ngày 10/05/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được 1.580.000đ;
- Ngày 10/06/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được 1.400.000đ;

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 6.310.000đ (*Sáu triệu, ba trăm mười nghìn đồng*).

3/Hội khui ngày 08/02/2022 âm lịch (*nhằm ngày 10/03/2022 dương lịch*), ngày hội mãn 19/02/2023 âm lịch (*nhằm ngày 10/06/2023 dương lịch*): Chị T có tham gia dây hội tháng 2.000.000đ, hội 1 tháng khui một lần, huê hồng là 400.000đ, gồm 16 phần, Chị T tham gia 01 phần, hội đã khui được 04 lần, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hội. Chị T đóng được 04 lần hội sống cụ thể như sau:

- Ngày 10/03/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được 1.580.000đ;
- Ngày 10/04/2022, hội kêu 430.000đ, Chị T đóng được 1.570.000đ;
- Ngày 10/05/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được 1.580.000đ;
- Ngày 10/06/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được 1.400.000đ;

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 6.310.000đ (*Sáu triệu, ba trăm mười nghìn đồng*).

4/Hội khui ngày 08/02/2022 âm lịch (*nhằm ngày 10/03/2022 dương lịch*), ngày hội mãn 19/02/2023 âm lịch (*nhằm ngày 10/06/2023 dương lịch*): Chị T có tham gia dây hội tháng 2.000.000đ, hội 1 tháng khui một lần, huê hồng là 400.000đ, gồm 16 phần, Chị T tham gia 01 phần, hội đã khui được 04 lần, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hội. Chị T đóng được 04 lần hội sống cụ thể như sau:

- Ngày 10/03/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được 1.580.000đ;
- Ngày 10/04/2022, hội kêu 430.000đ, Chị T đóng được 1.570.000đ;
- Ngày 10/05/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được 1.580.000đ;
- Ngày 10/06/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được 1.400.000đ;

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 6.310.000đ (*Sáu triệu, ba trăm mười nghìn đồng*).

5/Dây số 1: Hội khui ngày 10/03/2022 âm lịch (*nhằm ngày 10/04/2022 dương lịch*), ngày hội mãn 24/06/2023 âm lịch (*nhằm ngày 10/08/2023 dương lịch*): Chị T có tham gia dây hội tháng 2.000.000đ, hội 1 tháng khui một lần, huê hồng là 400.000đ, gồm 17 phần, Chị T tham gia 02 phần, hội đã khui được 03 lần, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hội. Chị T đóng được 03 lần hội sống của 02 phần hội cụ thể như sau:

- Ngày 10/04/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được $(1.580.000đ \times 2) = 3.160.000đ$;

- Ngày 10/05/2022, hội kêu 410.000đ, Chị T đóng được $(1.590.000đ \times 2) = 3.180.000đ$;

- Ngày 10/06/2022, hội kêu 400.000đ, Chị T đóng được $(1.600.000đ \times 2) = 3.200.000đ$;

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 9.540.000đ (*Chín triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

6/Dây số 2: Hội khai ngày 10/03/2022 âm lịch (*nhằm ngày 10/04/2022 dương lịch*), ngày hội mãn 24/06/2023 âm lịch (*nhằm ngày 10/08/2023 dương lịch*): Chị T có tham gia dây hội tháng 2.000.000đ, hội 1 tháng khai một lần, huê hồng là 400.000đ, gồm 17 phần, Chị T tham gia 01 phần, hội đã khai được 03 lần, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hội. Chị T đóng được 03 lần hội sống của 01 phần hội cụ thể như sau:

- Ngày 10/04/2022, hội kêu 430.000đ, Chị T đóng được 1.570.000đ;

- Ngày 10/05/2022, hội kêu 460.000đ, Chị T đóng được 1.540.000đ;

- Ngày 10/06/2022, hội kêu 420.000đ, Chị T đóng được 1.580.000đ;

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 4.690.000đ (*Bốn triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

7/Hội khai ngày 10/04/2022 âm lịch (*nhằm ngày 10/05/2022 dương lịch*), ngày hội mãn 26/07/2023 âm lịch (*nhằm ngày 10/09/2023 dương lịch*): Chị T có tham gia dây hội tháng 2.000.000đ, hội 1 tháng khai một lần, huê hồng là 400.000đ, gồm 17 phần, Chị T tham gia 02 phần, hội đã khai được 02 lần, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hội. Chị T đóng được 03 lần hội sống của 02 phần hội cụ thể như sau:

- Ngày 10/05/2022, hội kêu 460.000đ, Chị T đóng được $(1.540.000đ \times 2) = 3.080.000đ$;

- Ngày 10/06/2022, hội kêu 480.000đ, Chị T đóng được $(1.520.000đ \times 2) = 3.040.000đ$;

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 6.120.000đ (*Sáu triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng*).

8/Hội khai ngày 12/05/2022 âm lịch (*nhằm ngày 10/06/2022 dương lịch*), ngày hội mãn 28/10/2023 âm lịch (*nhằm ngày 10/12/2023 dương lịch*): Chị T có tham gia

dây hụi tháng 2.000.000đ, hụi 1 tháng khui một lần, huê hồng là 400.000đ, gồm 19 phần, Chị T tham gia 01 phần, hụi đã khui được 01 lần, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hụi. Chị T đóng được 01 lần hụi sống cụ thể như sau:

- Ngày 10/06/2022, hụi kêu 450.000đ, Chị T đóng được 1.550.000đ;

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 1.550.000đ (*Một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

9/Hụi khui ngày 12/05/2022 âm lịch (*nhằm ngày 10/06/2022 dương lịch*), ngày hụi mãn 28/10/2023 âm lịch (*nhằm ngày 10/12/2023 dương lịch*): Chị T có tham gia dây hụi tháng 3.000.000đ, hụi 1 tháng khui một lần, huê hồng là 400.000đ, gồm 12 phần, Chị T tham gia 02 phần, hụi đã khui được 01 lần, nhưng ngày 10/07/2022 vợ chồng ông T, bà H ngưng không tiếp tục mở hụi. Chị T đóng được 01 lần hụi sống của 02 phần hụi cụ thể như sau:

Ngày 10/06/2022, hụi kêu 650.000đ, đóng được $(2.350.000đ \times 2) = 4.700.000$

Số tiền ông T, bà H còn nợ Chị T là 4.700.000đ (*Bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

Tổng cộng số tiền hụi của 02 dây hụi mùa $(5.550.000đ + 4.000.000đ)$ và 09 dây hụi tháng $(28.380.000đ + 6.310.000đ + 6.310.000đ + 6.310.000đ + 9.540.000đ + 4.690.000đ + 6.120.000đ + 1.550.000đ + 4.700.000đ)$ là 83.460.000đ (*Tám mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, bà H còn mượn Chị T số tiền 40.000.000đ, qua ngày sau bà H tiếp tục hỏi mượn Chị T số tiền là 50.000.000đ, tổng cộng 02 lần là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*), có làm biên nhận ngày 15/05/2022, hứa sau 02 tháng sẽ trả hết tiền gốc cho Chị T, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Số tiền vay 90.000.000đ thì Chị T giao tiền trực tiếp cho bà H hai lần, lần một là 40.000.000đ và lần hai là 50.000.000đ, lúc qua hỏi là bà H nói là có người cần tiền và kêu Chị T đưa và hứa 02 tháng sẽ trả. Lý do có bà M ký tên vào biên nhận ngày 20/8/2022 là người nhận tiền là do bà H bẻ hụi và qua nói với chị là vay tiền 90.000.000đ đồng mượn đắp hụi cho bà M, nên bà H kêu chị và bà M qua nh để ký biên nhận này. Khi đó bà M cũng thừa nhận số tiền 90.000.000đ là bà H mượn tiền đắp hụi cho bà M.

Nay Chị T yêu cầu ông Nguyễn Phương T, bà Nguyễn Thị Kim H trả cho chị số tiền nợ hụi là 83.460.000đ và tiền vốn vay là 90.000.000đ, tổng cộng là 173.460.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà H thừa nhận Chị T có chơi hụi của bà làm đầu thảo. Đối với số tiền hụi là 83.460.000đ bà không đồng ý trả, còn tiền vay 90.000.000đ là bà vay để đắp hụi cho bà M. Bà M có tham gia hụi của bà và có thiếu tiền hụi của bà không trả. Bà và bà M tính toán tiền hụi với nhau, bà M nói với bà H mượn tiền hụi của Chị T để đắp hụi nên bà H đi mượn tiền của Chị T để đắp hụi cho bà M số tiền 90.000.000đ. Bà trực tiếp đi nhận tiền từ Chị T và sử dụng số tiền này để đắp hụi cho bà M chứ không có sử dụng riêng.

Trước khi ký biên nhận ngày 20/8/2022, bà M có đưa cho bà H số tiền 05 lần tổng cộng 160.000.000 đồng không có làm biên nhận, lần một 70.000.000 đồng, lần hai 10.000.000đồng, lần ba 10.000.000đồng, lần bốn 5.000.000đồng, lần năm 20.000.000đồng, bà M đưa tiền cho bà để trả tiền hụi mà bà M còn thiếu bà H, số tiền này không liên quan gì đến số tiền 90.000.000đ. Tiền hụi và tiền vay thì chồng là ông T không biết.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn có ý kiến: Về tiền hụi 83.460.000đ thì bà H thừa nhận có chơi hụi nhưng chưa có tính toán lại số tiền hụi còn thiếu là bao nhiêu nên không đồng ý trả, còn tiền vay 90.000.000đ thì bà H không đồng ý trả Chị T mà yêu cầu bà M có trách nhiệm trả cho bà H.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị M trình bày:

Bà M không có vay tiền của Chị T 90.000.000đ, bà M cũng không biết việc bà H vay tiền của Chị T để đắp hụi cho bà M. Lý do bà M đồng ý ký tên vào biên nhận là do sau khi bà H bề hụi thì bà H có nói là bà H có mượn tiền của Chị T để đắp hụi cho bà là 90.000.000đ, lúc đó cũng có mặt của Chị T tại nhà bà H, bà H kêu bà phải ký tên vào biên nhận ngày 20/8/2022. Lúc đó bà cũng không đọc lại biên nhận viết gì mà chỉ nghe bà H nói là ký tên là lúc hỏi tiền mượn Chị T để đắp hụi cho bà M, chứ bà M hoàn toàn không có nhận số tiền 90.000.000đ.

Nay bà M không đồng ý trả thay cho bà H số tiền 90.000.000 đồng cho Chị T vì người nhận tiền là bà H, bà không có vay và nhận tiền từ Chị T, do bà thiếu bà H 90.000.000đ, nên mới ký biên nhận ngày 20/08/2022.

- Bị đơn ông Nguyễn Phương T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không trình bày.

- *Tại phiên tòa*, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tiền vay là giao trực tiếp cho bà H, việc ký biên nhận ngày 20/08/2022 là để chứng minh bà M thiếu tiền hội bà H và bà H vay tiền Chị T để đáp hội cho bà M, còn tiền hội thì Chị T có chơi hội bà H và đóng hội đầy đủ cho bà H nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hội là 83.460.000đ và tiền vốn vay là 90.000.000đ, tổng cộng là 173.460.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Tại phiên tòa*, đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Nguyễn Phương T, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày, các bị đơn đồng ý trả số tiền hội 83.460.000đ cho nguyên đơn, riêng số tiền vay 90.000.000đ thì các bị đơn không đồng ý trả vì bà H không có vay mà bà M vay và ký tên nhận tiền theo biên nhận ngày 20/08/2022, bà H chỉ mượn dùm cho bà M để đáp hội cho bà M, đồng thời bà M là người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến các dây hội mà bà H khởi kiện bà M phải trả hơn 1.400.000.000đ, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà M trả số tiền này cho bà H trong vụ án này. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- *Tại phiên tòa*, người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị M trình bày bà có ký tên trong biên nhận ngày 20/08/2022, nhưng không có nhận tiền vì bà còn thiếu tiền hội bà H là 90.000.000đ chưa trả, hơn nữa bà H năn nỉ bà ký tên để nói với chồng bà H để không chửi bà H, còn về việc bà H nói bà thiếu hơn 1.400.000.000đ tiền hội là không có, bà còn đóng cho bà H hơn 160.000.000đ, bà nghèo khổ làm gì có tiền chơi nhiều hội để thiếu nhiều như vậy, nên lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ. Bà H vay và nhận tiền từ Chị T thì bà H phải trả, bà không có khả năng nên không trả thay cho bà H được, còn tiền hội giữa bà và bà H thì sẽ giải quyết sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm

2014; Điều 23, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 quy định về họ, họ, biếu phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Phương T liên đới trả số tiền nợ hụi là 83.460.000đ và tiền vốn vay là 90.000.000đ, tổng cộng là 173.460.000đ (*Một trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Về án phí: Bị đơn phải liên đới chịu án phí đối với phần nguyên đơn được chấp nhận với số tiền phải nộp là 8.673.000đ.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lê Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Phương T có trách nhiệm trả lại cho chị số tiền nợ hụi, tiền vay nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*”; bị đơn cư trú tại xã C, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 bị đơn ông Nguyễn Phương T, bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt nhưng có ủy quyền lại cho anh Lê Hữu Phước nên Hội đồng xét xử thống nhất vẫn đưa vụ án ra xét xử theo khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả tiền nợ hụi cho bị đơn, nhưng yêu cầu này được đưa ra sau khi Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử nên Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 1, Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn...*” và Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “*Thủ tục yêu cầu phản tố được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn*”. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện, tại phiên tòa mới trình bày, theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử

không xem xét giải quyết yêu cầu của bị đơn trong vụ án này, nếu có yêu cầu thì xem xét giải quyết trong một vụ án khác.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. Chị Lê Thị Ngọc T yêu cầu yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Phương T liên đới trả số tiền nợ hụi là 83.460.000đ và tiền vốn vay là 90.000.000đ, tổng cộng là 173.460.000đ (*Một trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*), ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Chị T cho rằng chị chơi hụi nhưng chưa hốt thì bà H bẻ hụi, không trả lại tiền hụi cho chị và xuất trình các danh sách hụi và các lần khui hụi, còn tiền vay là bà H nói vay để đắp hụi cho bà M, chị giao tiền trực tiếp cho bà H, làm biên nhận, sau đó bà H kêu bà M ký lại biên nhận có mặt chị để chứng minh là bà M thiếu bà H 90.000.000đ, nhưng chị cho bà H vay và nhận tiền nên chỉ yêu cầu bà H trả.

Bà H thì cho rằng Chị T có chơi hụi, bà thừa nhận thiếu tiền hụi Chị T, nhưng không đồng ý trả theo yêu cầu của Chị T để bà tính lại, nhưng đến ngày xét xử vẫn chưa tính được, còn tiền vay là bà vay để đắp hụi cho bà M, nên bà M phải trả thay cho bà, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý trả tiền nợ hụi là 83.460.000đ.

Bà M thì thừa nhận nợ bà H 90.000.000đ, có ký biên nhận nhưng không đọc nội dung, việc bà H vay thì bà H phải trả, bà không trả thay cho bà H. Bà với bà H sẽ giải quyết tiền hụi riêng, không giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối chất giữa Chị T, bà H và bà M thì bà H thừa nhận có nhận 90.000.000đ từ Chị T, bà M cũng thừa nhận nợ bà H 90.000.000đ (BL60) và tại phiên tòa, nhưng đối với tiền vay thì các bên không thỏa thuận được việc chuyển giao nghĩa vụ trả tiền.

Đối với số tiền nợ hụi, Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền hụi mà Chị T khởi kiện bà H, ông T đã được Chị T chứng minh qua các danh sách hụi tham gia. Bà H là chủ hụi biết rõ, lẽ ra khi bị khởi kiện bà H, ông T phải có trách nhiệm đưa ra các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, nhưng đến nay vẫn chưa đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào. Hơn nữa tại biên bản hòa giải ngày 21/12/2022 thì bà H thừa nhận còn thiếu và đồng ý trả cho Chị T tiền hụi 83.460.000đ (BL51-53) và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý trả số tiền này,

nên không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019.

Đối với số tiền vay, Hội đồng xét xử xét thấy, bà H là người trực tiếp đi vay tiền và nhận tiền từ Chị T, hai bên có lập biên nhận ngày 15/05/2022. Do bà Lương Thị M có chơi hụi và thiếu tiền hụi của bà H nên vào ngày 20/08/2022 thì tại nH bà H có mặt Chị T, bà H, bà M thì bà H làm Giấy mượn tiền mục đích là chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà H, sang bà M.

Tuy nhiên trong “Giấy mượn tiền” ngày 20/08/2022, có nội dung: “Tôi tên là: Nguyễn Thị Kim H có hỏi tiền vay của chị Lê Thị Ngọc T số tiền 90.000.000đ tHnh chữ (Chín chục triệu đồng) vào ngày (15/05/2022) Hỏi dùm cho bà Lương Thị M áp C xã D đắp tiền hụi cho chị M đề nghị trả tiền hụi cho Chị T. Tôi cam kết sau 3 tháng tôi sẽ trả lại số tiền trên cho Chị T 90.000.000 lãi suất một triệu một trăm ngàn đồng một tháng”. Như vậy trong nội dung này, không có bất cứ ý kiến nào của bà M, Chị T đồng ý để chuyển giao nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc cHển giao nghĩa vụ trả tiền, giữ nguyên ý kiến của mình nên không có căn cứ để áp dụng khoản 1 Điều 370 của Bộ luật dân sự năm 2015 “*Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ*”. Do đó bà H có trách nhiệm trả 90.000.000đ cho Chị T; bà H có quyền khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị M trả lại cho bà số tiền bà đã đắp hụi (*thực hiện nghĩa vụ đóng hụi thay cho bà M*) trong vụ án khác khi có yêu cầu, vì bà M cũng thừa nhận số tiền nợ hụi bà H là 90.000.000đ nên mới ký tên trong “Giấy mượn tiền” ngày 20/08/2022.

Bà Nguyễn Thị Kim H làm đầu thảo hụi từ năm 2012 đến năm 2022 thì ngưng hụi (bỏ hụi) cho đến nay, trong thời gian đó bà tổ chức khu hụi tại nH, số tiền huê hồng trong các giao dịch hụi thì bà H sử dụng nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, bà H cho rằng ông T không biết là không có cơ sở chấp nhận. Do bà H làm chủ hụi nhiều năm, việc tổ chức khai hụi thực hiện tại nhà bà H nên ông T phải biết. Do đó buộc ông T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cùng với bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên: Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Phương T phải liên đới trả cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền nợ hui là 83.460.000đ và tiền vốn vay là 90.000.000đ, tổng cộng là 173.460.000đ (*Một trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Đối với yêu cầu tính lãi của Chị T: Do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.2]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần nguyên đơn được chấp nhận (173.460.000đ x 5%) là 8.673.000đ

[3]. Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên Tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, khoản 1, Điều 200, 202, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Căn cứ khoản 1 Điều 370, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470, 471 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T.

[1]. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Phương T phải liên đới trả cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền nợ hui là 83.460.000đ và tiền vốn vay là 90.000.000đ, tổng cộng là 173.460.000đ (*Một trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi Hành án nếu người phải thi Hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. *Về án phí*: Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Phương T phải liên đới chịu số tiền 8.673.000đ (*Tám triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí là 4.336.500đ (*Bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0011095, ngày 23/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo